

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN BÀN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Hồng Hải và ông Đàm Sông Hương;

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn K, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Người làm chứng: Ông Trương Văn L – Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn K được tự do tìm hiểu, yêu thương nhau; Hai người đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và về chung sống cùng nhau từ năm 2009 nhưng do chưa đủ tuổi nên chưa thể đăng ký kết hôn. Đến ngày 01/8/2012 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là khi về chung sống cùng nhau thì thấy hai vợ chồng chị ngày càng không hợp nhau về tính cách. Xuất phát từ nguyên nhân kinh tế không ổn định dẫn đến hai vợ chồng hay cãi nhau, mỗi lần cãi nhau anh K thường hay đánh đập chị. Anh K còn giao lưu với các đối tượng xấu. Chị đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 8 năm 2020 hai vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn anh K đánh chị, nên chị đã cùng con gái bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện V sinh sống. Chị và anh K đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhưng không thành, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có cách nào để hàn gắn hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn K để ổn định cuộc sống.

Về con: Chị Nguyễn Thị T xác định chị và anh Đặng Văn K không ai có con riêng. Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đặng Khánh L - Sinh ngày 14/4/2011, hiện nay cháu đang sống cùng chị tại xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Khánh L đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Đặng Văn K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ: Chị Nguyễn Thị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung; Vợ chồng chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

#### ***Đối với bị đơn anh Đặng Văn K:***

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh K vắng mặt không có lý do. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh từ chối ký nhận, không cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai các tài liệu chứng cứ và hòa giải. Không thể hiện quan điểm ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đối với việc giải quyết vụ án.

*Người làm chứng:* Ông Trương Văn L – Trưởng thôn M, xã T cung cấp thông tin: Anh Đặng Văn K và chị Nguyễn Thị T có tổ chức cưới hỏi và sinh sống cùng nhau tại thôn M, xã T được một thời gian. Đến khoảng năm 2018 – 2019 thì

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xã C sinh sống. Từ đó đến nay không thấy chị T trở về sống cùng anh K tại xã T nữa.

### **Tại phiên Tòa:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Đặng Văn K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, không có lý do theo quy định tại khoản 16 Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Để giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn K.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 14/4/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đặng Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đặng Văn K, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Đặng Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, kết quả xác minh tại thôn và UBND xã T có đủ căn cứ xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/8/2012 tại UBND thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, thường xuyên cãi chửi nhau, anh K nhiều lần đánh chị. Tháng 8/2020 vợ chồng cãi nhau, anh K đã đánh chị nên chị đã dẫn theo con gái bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện V sinh sống. Chị và anh K đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhưng không thành. Chị T xác định không còn tình cảm với anh K, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh K từ chối ký nhận, không cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai các tài liệu chứng cứ và hòa giải. Không thể hiện quan điểm ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đối với việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện anh K có thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có thiện chí hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T anh K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh K có 01 người con chung là cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 14/4/2011. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị T, bản thân cháu L cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh K không có ý kiến đề nghị gì về hôn nhân và con chung. Xét thấy thu nhập hàng tháng của chị T khoảng 5.000.000đồng/tháng, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu L. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển cả về thể chất và tinh thần cho cháu L, phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và quy định của pháp luật, giao cháu L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là cần thiết và hợp lý. Về cấp dưỡng chị T không đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và vay nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn K đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1, 3 điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn K.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 14/4/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Đặng Văn K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004280 ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Nghĩa**